

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2025 ĐẾN 30/6/2025

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính đã soát xét</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	8 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	12 – 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

*** Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------------|--|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |
| 5. | Ông | Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |
| 6. | Ông | Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025) |

Bà Phạm Thị Băng Trang được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 08/NQ-HĐQT ngày 18/6/2025.

Bà Bùi Kim Nga, Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân, Ông Trần Tấn Tới được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 07/NQ-HĐQT ngày 18/6/2025.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 08 đến trang 59.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 0407.01-01/2025/BCSX-NTV.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 0486-2023-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.114.772.335.336	5.846.231.139.401
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.534.297.760.565	1.263.099.099.951
111	1. Tiền		596.442.760.565	629.594.099.951
112	2. Các khoản tương đương tiền		937.855.000.000	633.505.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.856.470.743.589	1.814.311.421.979
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	1.583.446.439.664	1.602.650.432.769
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.621.192.582	15.019.051.983
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	273.051.811.721	202.290.637.605
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(5.648.700.378)	(5.648.700.378)
140	IV. Hàng tồn kho		2.717.972.400.159	2.716.206.051.080
141	1. Hàng tồn kho	V.6	2.717.972.400.159	2.716.206.051.080
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.031.431.023	52.614.566.391
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	5.979.340.329	9.209.897.851
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		52.090.694	43.404.668.540
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.539.503.668.477	2.618.067.098.592
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000.000	38.917.808.185
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.8	-	13.184.628.740
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.9	20.000.000.000	25.733.179.445
220	II. Tài sản cố định		914.456.480.461	948.265.082.766
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	603.360.882.485	633.724.218.406
222	- Nguyên giá		1.579.293.378.293	1.585.736.845.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(975.932.495.808)	(952.012.626.728)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	311.095.597.976	314.540.864.360
228	- Nguyên giá		420.308.075.499	420.626.257.318
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109.212.477.523)	(106.085.392.958)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	172.668.196.684	173.808.029.656
231	- Nguyên giá		212.496.617.975	212.496.617.975
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.828.421.291)	(38.688.588.319)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		324.942.832.599	312.063.266.177
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.13	38.585.073.614	37.973.870.280
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	286.357.758.985	274.089.395.897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		910.625.707.872	910.625.707.872
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.15	616.229.963.381	616.229.963.381
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.16	294.395.744.491	294.395.744.491
260	VI. Tài sản dài hạn khác		196.810.450.861	234.387.203.936
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.17	196.810.450.861	234.387.203.936
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.654.276.003.813	8.464.298.237.993

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.207.404.216.971	6.019.319.225.809
310	I. Nợ ngắn hạn		5.907.315.110.574	5.705.487.778.908
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	686.547.153.998	917.834.430.166
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	10.026.045.804	24.941.675.919
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.20	254.620.108.242	218.910.049.672
314	4. Phải trả người lao động		5.743.158.298	5.875.192.063
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.21	2.301.787.719	6.175.785.508
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	8.584.658.927	312.067.027.372
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	4.539.857.854.155	3.826.991.038.512
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	8.387.777.313	1.834.384.388
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.25	391.246.566.118	390.858.195.308
330	II. Nợ dài hạn		300.089.106.397	313.831.446.901
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.26	22.024.200.000	22.024.200.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.27	225.428.623.355	231.504.745.859
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.28	21.874.360.042	22.583.438.042
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.29	30.761.923.000	37.719.063.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.446.871.786.842	2.444.979.012.184
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.30	2.446.871.786.842	2.444.979.012.184
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.30.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.30.2	(243.800.000)	(243.800.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.30.3	34.930.566.439	30.017.044.517
421	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.30.4	46.185.020.403	49.205.767.667
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		35.791.852.820	70.548.446
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.393.167.583	49.135.219.221
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.654.276.003.813	8.464.298.237.993

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.138.971.526.735	10.128.768.763.306
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.31	10.138.971.526.735	10.128.768.763.306
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.32	9.789.335.994.486	9.811.716.836.758
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		349.635.532.249	317.051.926.548
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.33	25.527.785.943	15.826.850.265
22	7. Chi phí tài chính	VI.34	144.468.258.718	125.046.249.797
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>108.908.187.551</i>	<i>92.397.970.046</i>
25	8. Chi phí bán hàng	VI.35	144.593.777.052	152.538.393.241
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.36	74.229.383.134	33.697.345.780
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.871.899.288	21.596.787.995
31	11. Thu nhập khác	VI.37	1.933.988.580	2.082.152.484
32	12. Chi phí khác	VI.38	3.412.720.285	1.728.625.396
40	13. Lợi nhuận khác		(1.478.731.705)	353.527.088
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.393.167.583	21.950.315.083
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.39	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		10.393.167.583	21.950.315.083

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		12.171.272.391.073	11.881.234.355.021
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(10.793.140.179.503)	(9.767.615.877.481)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(48.561.317.238)	(47.749.475.750)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(112.944.460.982)	(100.327.214.329)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.20	-	(27.415.703.604)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		64.731.465.511	108.118.427.806
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.819.250.666.382)	(1.720.230.872.384)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(537.892.767.521)	326.013.639.279
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.967.543.091)	(58.199.448.011)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		88.481.202.096	18.664.020.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(90.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	61.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.424.829.064	24.757.522.608
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		98.938.488.069	(43.777.905.403)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.23	11.366.478.790.764	9.464.312.399.761
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.23; V.29	(10.656.316.551.813)	(10.002.851.603.149)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.298.885)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		710.152.940.066	(538.539.203.388)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		271.198.660.614	(256.303.469.512)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.263.099.099.951	1.390.996.228.131
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.534.297.760.565	1.134.692.758.619

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là "Tổng Công ty".

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày đính kèm không bao gồm hợp nhất tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau: Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con;
- + Các Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- ❖ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9.	Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ	Áp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12.	Kho cảng xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15.	Hệ thống 17 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư của TCT vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	480.000.000.000	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Trồng rừng, trồng cây lâu năm, chăn nuôi... các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông lâm nghiệp	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền có phân biệt theo từng nguồn hàng nhập khẩu và nội địa; hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài, Giấy phép xả nước thải và phần mềm máy vi tính, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế.
- QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

0102
CÔNG
HỢP NHỮ
KIỂM
HÀNH
NH T

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Giấy phép xả nước thải	10
+ Phần mềm máy vi tính	10

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
- Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ ***Đầu tư vào công ty con***

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

❖ ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn. Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.
- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

15. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

21. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

22. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại **Khoản 1, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

ĐVT: Đồng

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	10.813.030.000	73.378.943.500
- Tiền gửi ngân hàng (*)	585.629.730.565	556.215.156.451
- Các khoản tương đương tiền (**)	937.855.000.000	633.505.000.000
Cộng	1.534.297.760.565	1.263.099.099.951
(*) Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ	USD 35,372.56	USD 39,105.86
(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.		
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.110.821.543.334	1.107.987.615.124
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	293.014.427.566	335.484.701.646
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	179.610.468.764	159.178.115.999
Cộng	1.583.446.439.664	1.602.650.432.769
<i>Trong đó số dư với Bên liên quan:</i>		
+ Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	412.495.610.284	201.727.315.063
+ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.166.400	7.116.450
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	5.963.750.000
+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	1.066.734.262	1.482.546.466
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.602.970.479	3.192.786.632
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	2.178.121.768	8.529.647.029
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	1.840.100.335	3.296.618.322
Cộng	5.621.192.582	15.019.051.983

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTC

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	41.007.586.357	69.087.331.615
- Tạm ứng	58.784.073.078	58.546.233.668
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	535.561.644	4.047.018.959
- Công ty TNHH An Sơn BD Logistics (*)	48.900.000.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị BD (*)	-	7.033.670.043
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ B.Đương (*)	-	9.961.780.345
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	629.235	4.800.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S (*)	61.504.550.000	-
- Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu	61.035.130.597	47.912.838.989
- Các đối tượng khác	1.284.280.810	901.763.986
Cộng	273.051.811.721	202.290.637.605

(*) Là Bên liên quan.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30/6/2025		Ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Văn	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải Xây dựng Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	5.733.757.169	(5.648.700.378)	5.733.757.169	(5.648.700.378)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

6. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Hàng mua đang đi đường	996.621.918.493	666.260.790.567
- Nguyên liệu, vật liệu	67.040.786.548	66.177.602.277
- Công cụ, dụng cụ	11.750.000	26.750.000
- Thành phẩm	512.085.238.497	504.448.017.422
- Hàng hoá	1.142.212.706.621	1.479.292.890.814
Cộng	2.717.972.400.159	2.716.206.051.080

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công cụ dụng cụ	3.050.341.215	371.021.793	(1.518.867.912)	1.902.495.096
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	6.159.556.636	5.582.790.892	(7.665.502.295)	4.076.845.233
Cộng	9.209.897.851	5.953.812.685	(9.184.370.207)	5.979.340.329

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
8. Trả trước cho người bán dài hạn	-	13.184.628.740

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

9. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	-	5.733.179.445
Cộng	20.000.000.000	25.733.179.445

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

10. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2025	1.145.094.888.357	210.739.223.366	221.342.113.130	6.999.268.660	1.561.351.621	1.585.736.845.134
Tăng trong kỳ	2.288.117.168	254.600.000	3.826.502.725	-	-	6.369.219.893
Thanh lý, nhượng bán	(1.963.677.466)	(897.814.452)	(9.920.723.936)	(30.470.880)	-	(12.812.686.734)
Ngày 30/6/2025	1.145.419.328.059	210.096.008.914	215.247.891.919	6.968.797.780	1.561.351.621	1.579.293.378.293
Giá trị hao mòn						
Ngày 01/01/2025	686.620.965.342	120.254.341.947	139.288.662.667	4.752.628.064	1.096.028.708	952.012.626.728
Khấu hao trong kỳ	18.571.808.560	8.180.236.306	7.217.905.655	243.080.962	123.014.292	34.336.045.775
Thanh lý, nhượng bán	(1.886.213.005)	(820.696.562)	(7.679.978.040)	(29.289.088)	-	(10.416.176.695)
Ngày 30/6/2025	703.306.560.897	127.613.881.691	138.826.590.282	4.966.419.938	1.219.043.000	975.932.495.808
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2025	458.473.923.015	90.484.881.419	82.053.450.463	2.246.640.596	465.322.913	633.724.218.406
Ngày 30/6/2025	442.112.767.162	82.482.127.223	76.421.301.637	2.002.377.842	342.308.621	603.360.882.485
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Ngày 01/01/2025	15.601.597.214	34.976.822.551	17.668.035.446	1.231.091.527	45.900.000	69.523.446.738
Ngày 30/6/2025	14.106.570.948	29.810.331.605	17.668.035.446	1.231.091.527	45.900.000	62.861.929.526

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

11. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Chương trình phần mềm [b]	Giấy phép và GP nhượng quyền [c]	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Ngày 01/01/2025	419.880.168.499	427.907.000	318.181.819	420.626.257.318
Giảm trong kỳ	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Ngày 30/6/2025	419.880.168.499	427.907.000	-	420.308.075.499
Giá trị hao mòn				
Ngày 01/01/2025	105.767.211.139	-	318.181.819	106.085.392.958
Khấu hao kỳ	3.423.871.032	21.395.352	-	3.445.266.384
Giảm trong kỳ	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Ngày 30/6/2025	109.191.082.171	21.395.352	-	109.212.477.523
Giá trị còn lại				
Ngày 01/01/2025	314.112.957.360	427.907.000	-	314.540.864.360
Ngày 30/6/2025	310.689.086.328	406.511.648	-	311.095.597.976

[a] Là Quyền sử dụng đất tại các cửa hàng xăng dầu, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

[b] Là Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

[c] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

12. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Ngày 01/01/2025	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	212.496.617.975
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30/6/2025	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	212.496.617.975
Giá trị hao mòn				
Ngày 01/01/2025	21.231.616.449	7.904.639.418	9.552.332.452	38.688.588.319
Khấu hao trong kỳ	261.510.738	222.062.826	656.259.408	1.139.832.972
Ngày 30/6/2025	21.493.127.187	8.126.702.244	10.208.591.860	39.828.421.291
Giá trị còn lại				
Ngày 01/01/2025	134.506.799.606	14.582.125.658	24.719.104.392	173.808.029.656
Ngày 30/6/2025	134.245.288.868	14.360.062.832	24.062.844.984	172.668.196.684

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ hiện nay là Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

- [b]** Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	18.742.131.813	18.130.928.479
Cộng	38.585.073.614	37.973.870.280

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.340.838.969	171.225.638.972
- Cải tạo Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	42.083.735.588	41.675.730.866
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	44.687.896.680	31.496.511.606
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	3.792.009.259	5.553.919.197
- Các công trình, dự án khác	24.453.278.489	24.137.595.256
Cộng	286.357.758.985	274.089.395.897

15. Đầu tư vào công ty con

- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	480.000.000.000
Cộng	616.229.963.381	616.229.963.381

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị BD	43.738.905.964	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381		

16. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	25.000.000	25,00%
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	3.743.327	35,02%
Cộng	294.395.744.491		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

17. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	795.047.683	-	(198.761.964)	596.285.719
- Lợi thế thương mại bổ sung (*)	230.562.436.291	-	(38.427.072.714)	192.135.363.577
- Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.029.719.962	1.976.888.730	(927.807.127)	4.078.801.565
Cộng	234.387.203.936	1.976.888.730	(39.553.641.805)	196.810.450.861

(*) Khoản ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tổng Công ty dự kiến phân bổ trong thời hạn 4 năm (2024 – 2027; căn cứ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước).

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2024	Ngày 01/01/2024
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	678.098.346.754	908.406.647.292
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.021.811.244	8.350.790.155
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	426.996.000	1.076.992.719
Cộng	686.547.153.998	917.834.430.166

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	5.892.287.137	4.736.710.174
+ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	11.065.000	22.822.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	3.484.995.128	24.601.554.959
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	6.359.999.996	250.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	181.050.680	90.120.960
Cộng	10.026.045.804	24.941.675.919

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	2.036.763.119	23.770.187.160
---	---------------	----------------

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	3.639.233.768	109.799.437.785	107.117.696.608	6.320.974.945
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.912.838.989	489.206.529.133	476.084.237.525	61.035.130.597
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng NK (*)	13.471.355.144	231.447.114.907	212.839.372.456	32.079.097.595
- Thuế Thu nhập cá nhân	966.133.937	1.403.313.652	2.293.509.072	75.938.517
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	291.081.825	291.081.825	-
- Thuế bảo vệ môi trường	152.920.487.834	870.218.125.004	868.029.646.250	155.108.966.588
- Lệ phí môn bài	-	34.000.000	34.000.000	-
- Các khoản phải nộp khác	-	319.230.000	319.230.000	-
Cộng	218.910.049.672	1.702.718.832.306	1.667.008.773.736	254.620.108.242

(*) Số phải nộp, thực nộp trong kỳ được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng quyền sử dụng đất*
- * *5%* : *Nước sinh hoạt*
- * *8% và 10%* : *Xăng, dầu, nhớt; đá xây dựng; cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác...*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *8%* : *Xăng E5 Ron 92*
- * *10%* : *các loại xăng khác*
- * *20%* : *hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Chi phí thuê kho tại Hải Phòng	1.888.423.535	1.446.878.635
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Trích trước chi phí lãi vay	-	4.043.523.459
- Chi phí khác	-	272.019.230
Cộng	2.301.787.719	6.175.785.508

22. Phải trả ngắn hạn khác

- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông	119.645.755	128.944.640
- Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP	-	303.535.199.560
- Các khoản phải trả khác	87.132.372	25.002.372
Cộng	8.584.658.927	312.067.027.372

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đối tượng	Ngày 01/01/2025	Vay trong kỳ	Trả vay trong kỳ	Ngày 30/6/2025
23.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	692.503.974.217	2.580.238.587.807	(2.690.069.881.567)	582.672.680.457
23.2	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	-	186.795.353.997	(104.812.268.585)	81.983.085.412
23.3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.127.571.799.090	2.564.192.448.454	(2.372.432.667.521)	1.319.331.580.023
23.4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở HCM	-	333.558.437.212	(240.964.076.992)	92.594.360.220
23.5	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	595.432.097.572	806.050.887.699	(833.338.940.439)	568.144.044.832
23.6	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	21.018.282.788	442.758.428.898	(320.767.328.086)	143.009.383.600
23.7	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	495.616.763.874	951.891.633.725	(993.706.667.677)	453.801.729.922
23.8	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	147.713.763.578	423.379.664.286	(523.952.503.150)	47.140.924.714
23.9	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	386.062.882.333	(386.062.882.333)	-
23.10	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	-	180.729.858.536	-	180.729.858.536
23.11	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) – CN TP HCM	182.467.060.446	960.701.352.862	(966.312.194.410)	176.856.218.898
23.12	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM – CN TT KD DN lớn HCM	358.317.341.228	674.651.093.311	(703.645.367.786)	329.323.066.753
23.13	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	206.349.955.719	875.468.161.644	(517.547.196.575)	564.270.920.788
	Cộng	3.826.991.038.512	11.366.478.790.764	(10.653.611.975.121)	4.539.857.854.155

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

23.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 14/02/2025, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/7/2025
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

23.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/83406/HĐTD ngày 12/9/2024 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thầu chi, phát hành bảo lãnh, mở L/C, nhờ thu, bao thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở TP HCM

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4365-01 ngày 20/01/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, thanh toán các loại thuế (trừ thuế TNDN), bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành L/C phục vụ hoạt động nhập khẩu, mua trong nước xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

23.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0056/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 23/8/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/8/2025
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023 và Thư gia hạn ngày 29/11/2024; cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 29/11/2025
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

23.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 320/2024/HDTD/BDG ngày 05/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

23.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 286357.25.120.969666.TD ngày 23/4/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 06/3/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

23.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

23.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

23.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

24. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Trích trong kỳ	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Quỹ khen thưởng	-	3.685.141.441	-	3.685.141.441
- Quỹ phúc lợi	20.919	3.685.141.442	-	3.685.162.361
- Quỹ khen thưởng, thù lao Ban Điều hành	1.834.363.469	1.130.110.042	1.947.000.000	1.017.473.511
Cộng	1.834.384.388	8.500.392.925	1.947.000.000	8.387.777.313

25. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2025	Phát sinh trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	6.529.981.072	388.370.810	-	6.918.351.882
Cộng	390.858.195.308	388.370.810	-	391.246.566.118

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
26. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

27. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước của hoạt động cho thuê hạ tầng Khu Công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu kỳ	231.504.745.859	243.656.990.867
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(6.076.122.504)	(6.076.122.504)
- Số cuối kỳ	225.428.623.355	237.580.868.363

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

28. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Ngày 30/6/2025	Ngày 01/01/2025
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.160.279.960	5.160.279.960
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.894.432.318	3.894.432.318
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	2.159.161.704	2.159.161.704
- Công ty CP Vacxin Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	1.180.769.327	1.180.769.327
- Các đối tượng khác	5.976.633.453	6.685.711.453
Cộng	21.874.360.042	22.583.438.042

29. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Ngân hàng	Ngày 01/01/2025	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Ngày 30/6/2025
29.1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	15.900.000.000	-	(5.300.000.000)	10.600.000.000
29.2	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương	21.819.063.000	-	(1.657.140.000)	20.161.923.000
	Cộng	37.719.063.000	-	(6.957.140.000)	30.761.923.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

29.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/7/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 30/6/2025 : 10.600.000.000 Đồng

Trong đó nợ đến hạn : 10.600.000.000 Đồng

trong vòng 12 tháng

29.2 Vay dài hạn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/5/2024 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 23.079.393.000 Đồng
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Dư nợ 30/6/2025 : 20.161.923.000 Đồng

Trong đó nợ đến hạn : 3.314.280.000 Đồng

trong vòng 12 tháng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

30. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024				
30.1 Vốn góp của chủ SH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
30.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
30.3 Quỹ đầu tư phát triển	15.658.122.666	14.358.921.851	-	30.017.044.517
30.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	99.780.135.115	21.950.315.083	(26.133.237.769)	95.597.212.429
Cộng	2.481.194.457.781	36.309.236.934	(26.133.237.769)	2.491.370.456.946

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025

30.1 Vốn góp của chủ SH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
30.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
30.3 Quỹ đầu tư phát triển	30.017.044.517	4.913.521.922	-	34.930.566.439
30.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.205.767.667	10.393.167.583	(13.413.914.847)	46.185.020.403
Cộng	2.444.979.012.184	15.306.689.505	(13.413.914.847)	2.446.871.786.842

30.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 01/01/2025	Ngày 30/6/2025	Tỷ lệ
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)	(%)
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	236.600.000	100,00%

30.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến 22/7/2019.

30.3 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
	đến 30/6/2025	đến 30/6/2024
- Số đầu năm	30.017.044.517	15.658.122.666
- Trích trong kỳ	4.913.521.922	14.358.921.851
- Số cuối kỳ	34.930.566.439	30.017.044.517

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

30.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Số đầu kỳ	49.205.767.667	99.780.135.115
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(13.413.914.847)	(26.133.237.769)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.370.282.883)	(9.572.614.568)
+ Trích Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	(1.130.110.042)	(2.201.701.350)
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	(4.913.521.922)	(14.358.921.851)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển kỳ này	35.791.852.820	73.646.897.346
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	10.393.167.583	21.950.315.083
- Số cuối kỳ	46.185.020.403	95.597.212.429

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2025 ĐẾN 30/6/2025

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	ĐVT: Đồng Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
31. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	9.646.814.303.049	9.870.796.094.069
- Doanh thu bán các thành phẩm	417.127.685.121	183.163.148.337
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.045.776.844	44.447.758.019
- Doanh thu cho thuê, chuyển nhượng BĐS	42.983.761.721	30.361.762.881
Cộng	10.138.971.526.735	10.128.768.763.306

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

32. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.329.760.579.278	9.611.545.574.203
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	432.069.161.413	177.181.412.387
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.376.284.665	15.722.646.260
- Giá vốn cho thuê, chuyển nhượng BĐS	17.129.969.130	7.267.203.908
Cộng	9.789.335.994.486	9.811.716.836.758

33. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.374.594.361	3.756.970.417
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.743.327.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	11.291.054.572	10.351.095.352
- Chiết khấu thanh toán	118.810.010	1.526.671.493
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	192.113.003
Cộng	25.527.785.943	15.826.850.265

34. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	108.908.187.551	92.397.970.046
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.560.071.167	32.648.279.751
Cộng	144.468.258.718	125.046.249.797

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

35. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí nhân viên bán hàng	43.784.908.442	34.137.332.219
- Chi phí vật liệu, bao bì	663.024.447	889.269.348
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	711.259.377	735.759.596
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.983.910.612	19.687.349.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.027.629.325	44.331.688.379
- Chi phí bằng tiền khác	47.423.044.849	52.756.993.811
Cộng	144.593.777.052	152.538.393.241

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	16.657.594.195	11.607.372.394
- Chi phí vật liệu quản lý	347.862.374	403.107.527
- Chi phí đồ dùng văn phòng	720.085.839	66.596.191
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.897.418.052	2.971.498.511
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.495.341.655	5.148.490.878
- Chi phí bằng tiền khác	10.111.081.019	13.500.280.279
Cộng	74.229.383.134	33.697.345.780

37. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ, CCDC	853.872.053	47.254.545
- Thu tiền điện, nước khách thuê; hoa hồng	920.009.444	875.046.119
- Thu nhập khác	160.107.083	1.159.851.820
Cộng	1.933.988.580	2.082.152.484

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

38. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.396.510.039	119.731.924
- Chi trả tiền điện, nước khách thuê	737.212.214	613.494.699
- Chi phí khác	278.998.032	995.398.773
Cộng	3.412.720.285	1.728.625.396

39. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.393.167.583	21.950.315.083
- Cộng chi phí không được trừ	-	-
- Trừ Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.743.327.000	-
- Chuyển lỗ hoạt động SXKD các năm trước	6.649.840.583	21.950.315.083
- Tổng Thu nhập tính thuế (TNTT)	-	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	413.603.151.151	254.437.199.394
- Chi phí nhân công	60.442.502.637	45.744.704.613
- Chi phí khấu hao TSCĐ	38.921.145.131	36.475.975.139
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.175.335.888	53.067.076.711
- Chi phí bằng tiền khác	58.965.471.084	67.286.032.420
Cộng	668.107.605.891	457.010.988.277

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	1.850.807.693	1.879.807.693

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

➤ Các giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan như sau:

❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	201.727.315.063	1.984.713.947.087	1.773.945.651.866	412.495.610.284
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	(23.770.187.160)	39.269.550.313	17.536.126.272	(2.036.763.119)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.116.450	53.204.500	52.154.550	8.166.400
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	-	6.357.631.998	6.357.631.998	-
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D	-	661.620.000	661.620.000	-
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	-	1.626.000	1.626.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	5.963.750.000	84.198.299.395	90.162.049.395	-
- Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	1.482.546.466	87.834.966.769	88.250.778.973	1.066.734.262
Cộng	185.410.540.819	2.203.090.846.062	1.976.967.639.054	411.533.747.827

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	9.961.780.345	133.054.480	10.094.834.825	-
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	4.800.000.000	166.431.429.235	171.230.800.000	629.235
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	7.033.670.043	-	7.033.670.043	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	18.668.600	18.668.600	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	-	48.900.000.000	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	198.578.085.455	137.073.535.455	61.504.550.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	3.743.327.000	3.743.327.000	-
Cộng	21.795.450.388	417.804.564.770	329.194.835.923	110.405.179.235

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2025	Phải trả trong kỳ	Đã trả/ giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2025
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.736.710.174	60.863.740.096	59.708.163.133	5.892.287.137
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	260.000.000	260.000.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	22.822.000	85.718.000	97.475.000	11.065.000
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	4.821.900.000	4.821.900.000	-
Cộng	11.759.532.174	66.031.358.096	64.887.538.133	12.903.352.137

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

2. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ Theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.063.632.024.976	42.983.761.721	32.355.740.038	10.138.971.526.735
- Giá vốn hàng bán	(9.761.603.376.474)	(17.129.969.130)	(10.602.648.882)	(9.789.335.994.486)
- Lợi nhuận gộp	302.028.648.502	25.853.792.591	21.753.091.156	349.635.532.249
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	25.527.785.943	25.527.785.943
- Chi phí tài chính	(105.311.397.070)	(8.999.199.107)	(30.157.662.541)	(144.468.258.718)
- Chi phí bán hàng	(126.032.635.504)	(10.350.997.181)	(8.210.144.367)	(144.593.777.052)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(63.655.681.386)	(5.506.913.224)	(5.066.788.524)	(74.229.383.134)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7.028.934.542	996.683.079	3.846.281.667	11.871.899.288
- Thu nhập khác	-	-	1.933.988.580	1.933.988.580
- Chi phí khác	-	-	(3.412.720.285)	(3.412.720.285)
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.478.731.705)	(1.478.731.705)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.028.934.542	996.683.079	2.367.549.962	10.393.167.583
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.028.934.542	996.683.079	2.367.549.962	10.393.167.583

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.053.379.160.586	30.361.762.881	45.027.839.839	10.128.768.763.306
- Giá vốn hàng bán	(9.788.295.406.800)	(7.267.203.908)	(16.154.226.050)	(9.811.716.836.758)
- Lợi nhuận gộp	265.083.753.786	23.094.558.973	28.873.613.789	317.051.926.548
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	15.826.850.265	15.826.850.265
- Chi phí tài chính	(91.215.472.459)	(7.946.851.053)	(25.883.926.285)	(125.046.249.797)
- Chi phí bán hàng	(130.347.720.083)	(9.172.353.807)	(13.018.319.351)	(152.538.393.241)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(28.142.613.209)	(2.451.833.547)	(3.102.899.024)	(33.697.345.780)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	15.377.948.035	3.523.520.566	2.695.319.394	21.596.787.995
- Thu nhập khác	-	-	2.082.152.484	2.082.152.484
- Chi phí khác	-	-	(1.728.625.396)	(1.728.625.396)
- Lợi nhuận khác	-	-	353.527.088	353.527.088
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.377.948.035	3.523.520.566	3.048.846.482	21.950.315.083
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.377.948.035	3.523.520.566	3.048.846.482	21.950.315.083

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên

Tổng Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2025 sau đây:

- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 182/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

